TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 98/2023/DS-PT Ngày 06-7-2023 V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Sử
Ông Trần Minh Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 về "*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 93/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 88/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn M, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ M, khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Đường M, phường M, quận P, thành phố Hồ Chí Minh, theo Văn bản ủy quyền ngày 27-02-2017 (có mặt).

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ M, khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo Văn bản ủy quyền ngày 27-5-2017.

- *Bị đơn:* Ban quản lý rừng phòng hộ P.

Địa chỉ: Đường H, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Nguyễn Duy B - Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Trần Đại T - Phó giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ.

2. Ông Nguyễn Văn C - Phụ trách Trạm quản lý bảo vệ rừng khu vực II.

3. Ông Nguyễn Văn T - Viên chức Phòng quản lý bảo vệ rừng.

Theo Giấy ủy quyền số 13/GUQ-RPH ngày 30-6-2023 (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ M, khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Công ty Cổ phần S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Đường T, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Khương Đức N – Trưởng Ban tài chính kế toán Chi nhánh S.5, theo Giấy ủy quyền số 46/QU-SĐ11-TCHC ngày 27-6-2023 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Ban quản lý các dự án công trình điện M.

Địa chỉ: Đường X, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân V - Phó phòng đền bù, theo Giấy ủy quyền số 10748/UQ-CPMB ngày 13-12-2022 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây lắp W.

Địa chỉ: Tổ N, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang C – Giám đốc (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:*

1. Ông Phạm Văn M - Nguyên đơn.

2. Bà Phạm Thị T - Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

3. Ông Nguyễn Xuân H - Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn M và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân H và bà Phạm Thị T trình bày:

Ngày 15-4-1995, bên nhận khoán là ông Phạm Văn M và bên giao khoán là Ban quản lý rừng phòng hộ P ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng gây trồng rừng phòng hộ Núi D số 72-95/HĐK. Tổng diện tích khoán bảo vệ rừng gây trồng rừng là 7,7ha, thuộc lô 10 và 11 khoảnh I, tiểu khu phường L, thời hạn của hợp đồng đến ngày 15-4-2045.

Ngày 15-4-2001, bên nhận khoán là ông Phạm Văn M và bên giao khoán là Ban quản lý rừng phòng hộ P ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng gây trồng rừng phòng hộ Núi D số 85/95/HĐKTT. Tổng diện tích khoán bảo vệ rừng gây trồng rừng là 4,0ha, thuộc lô 12 khoảnh I, tiểu khu phường L, thời hạn của hợp đồng đến ngày 15/4/2045.

Ông M đã làm đúng nghĩa vụ của mình trong quá trình thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, Ban quản lý rừng phòng hộ đã vi phạm hợp đồng, lợi dụng trách nhiệm được giao về việc hướng dẫn, kiểm tra khai thác trồng rừng phòng hộ, không thông báo cho ông M mà tự đơn phương hướng dẫn cho Chi nhánh S.5 khai thác và lấy toàn bộ sản phẩm gỗ trong diện tích 1.106,7m^2 của lô 11 và 12 khoảnh 1, gây thiệt hại cho ông M. Ngay sau khi phát hiện việc bị khai thác gỗ, ông M đã làm đơn gửi Hạt kiểm lâm C - B để kiểm tra và xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Theo Công văn số 20/TB-HKL ngày 28/01/2015 của Hạt kiểm lâm C - B "*Quyền lợi của ông M với Ban quản lý rừng phòng hộ, thuộc trách nhiệm giải quyết của chủ rừng*". Vì vậy, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ban quản lý rừng phòng hộ P bồi thường thiệt hại với số tiền 717.650.000 đồng, cụ thể số gỗ (cây) bị thiệt hại như sau:

- Gỗ Cẩm Lai: 07 cây x 45 triệu đồng/cây = 315.000.000 đồng.

- Gỗ Giáng Hương: 02 cây x 45 triệu đồng/cây = 90.000.000 đồng.

- Gỗ Bằng Lăng: 14 cây x 7 triệu đồng/cây = 98.000.000 đồng.

- Gỗ Phượng Vĩ: 10 cây x 7 triệu đồng/cây = 70.000.000 đồng.

- Gỗ Muồng Đen: 05 cây x 7 triệu đồng/cây = 35.000.000 đồng.

- Gỗ tự nhiên (tạp): 23 cây x 3 triệu đồng/cây = 69.000.000 đồng.

- Gỗ Tràm Bông Vàng: 18 cây x 3 triệu đồng/cây = 54.000.000 đồng.

Tổng cộng 731.000.000 đồng, trong đó Ban quản lý rừng phòng hộ được hưởng 15% giá trị cây Muồng và cây Tràm Bông Vàng là 13.350.000 đồng, còn lại 717.650.000 đồng thuộc hộ ông M.

Căn cứ pháp luật để yêu cầu bị đơn bồi thường là theo Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28-3-2014 và trên cơ sở báo giá của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ và xây dựng H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án lấy mức giá trung bình của mức giá do nguyên đơn và bị đơn đã đưa ra để làm căn cứ bồi thường thiệt hại, cụ thể: Giá nguyên đơn yêu cầu là 717.650.000 đồng + giá bị đơn đưa ra 183.750 đồng = 717.833.750 đồng/2 = 358.916.875 đồng. Ông M yêu cầu Ban quản lý rừng phòng hộ bồi thường số tiền 358.916.875 đồng.

Đối với yêu cầu độc lập của Ban quản lý rừng phòng hộ đối với Ban quản lý dự án các công trình điện M về việc yêu cầu bồi thường số tiền 25.403.400 đồng, nguyên đơn không đồng ý, vì mức giá bồi thường chưa có sự bàn bạc thống nhất với ông M mà do Ban quản lý rừng phòng hộ tự quyết định, không phù hợp với giá thị trường.

Bị đơn Ban quản lý rừng phòng hộ P trình bày:

Ban quản lý rừng phòng hộ thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ký kết các hợp đồng khoán bảo vệ gây trồng rừng phòng hộ và số lượng

chủng loại cây rừng bị thiệt hại. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì có ý kiến như sau: Ban quản lý Dự án X (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ P) có ký kết với ông M 02 (hai) hợp đồng khoán số 72-95/HĐK năm 1995 và số 85-95/HĐK năm 2001. Hai hợp đồng nhận khoán được trồng rừng với vốn ngân sách nhà nước đầu tư theo Quyết định 689/QĐ.UBT ngày 18-6-1995 về việc phê duyệt thiết kế - dự toán trồng, chăm sóc và khoanh nuôi phục hồi rừng năm 1995 chương trình 327 của Dự án 1892. Hộ nhận khoán đã được Ban quản lý rừng phòng hộ chi trả đầy đủ chi phí trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng theo dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phê duyệt hàng năm.

Thực hiện chủ trương xây dựng đường dây điện 220KV P - M là công trình lưới điện quốc gia. Tại văn bản số 203/TTg-KTN ngày 31-01-2013, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải chỉ đạo đẩy nhanh tốc độ thực hiện dự án để đảm bảo cung cấp điện cho nền kinh tế quốc dân. Ngày 12-8-2014, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có Công văn số 1645/SNN-LN về việc phối hợp xác định vị trí, diện tích, hiện trạng rừng khu vực đường điện đi qua lâm phận rừng phòng hộ để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ban quản lý rừng phòng hộ đã phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xác định tại hiện trường về vị trí, diện tích, hiện trạng cây rừng tại vị trí móng trụ điện và hiện trạng rừng trên tuyến đường tạm để vận chuyển vật liệu thi công móng trụ. Ngày 04-11-2014, Ban quản lý rừng rừng phòng hộ có báo cáo số 552/BC-BQL về xác định vị trí, diện tích, hiện trạng rừng khu vực tuyến đường dây điện đi qua rừng phòng hộ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ngày 14-11-2014, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có Công văn số 2446/SNN-LN về việc cho phép Ban quản lý dự án các công trình điện M thi công trước các vị trí móng trụ điện đoạn tuyến đi qua rừng phòng hộ thuộc dự án.

Ngày 21-11-2014, Uỷ ban nhân dân tỉnh có công văn số 8789/UBND-VP về việc bồi thường giải phóng mặt bằng công trình đường dây 220KV P - M, đoạn đi qua tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Trong đó, tại mục 2.3 có nội dung cho phép Ban quản lý điện M triển khai thi công trước các vị trí móng trụ đi qua lâm phần của Ban quản lý rừng phòng hộ.

Ngày 29-12-2014, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Quyết định số 04/QĐ-SNN-LN về việc phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác tận dụng gỗ của Chi nhánh S.5 tại rừng phòng hộ thuộc địa bàn thành phố B. Quyết định số 04 có nội dung phê duyệt hồ sơ thiết kế khai thác và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên diện tích 4.644,7m^2, với 8 vị trí móng trụ nằm trong lâm phần rừng phòng hộ thuộc địa bàn thành phố B. Tại điều 2 Quyết định số 04, thể hiện việc giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị có liên quan, trong đó mục 2 nêu: *"Ban quản lý rừng phòng hộ có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát, kiểm tra hoạt động khai thác của đơn vị khai thác đước quy định tại Điều 26 Thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; kiểm tra, đảm bảo*

công tác vệ sinh rừng và phòng chống cháy rừng trong và sau khi khai thác, đồng thời quản lý lâm sản theo quy định".

Tuy nhiên do Chi nhánh S.5 đã mở con đường tạm để đưa vật liệu, máy móc lên thi công khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Tổng diện tích rừng bị phá là 2.956,1m^2 trong đó có 1.106,7m^2 nằm trong diện tích nhận khoán của ông M thuộc lô 11 và 12. Ông M đã cho rằng lỗi là do Ban quản lý rừng phòng hộ đã tự ý đơn phương hướng dẫn cho Chi nhánh S.5 mở đường tạm và khai thác gỗ khi chưa được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép và không thông báo cho ông M biết là không đúng vì:

1. Ban quản lý rừng phòng hộ không hướng dẫn Chi nhánh S.5 khai thác tận dụng gỗ ngoài khu vực được cấp phép.

Theo mục 2 của Quyết định số 04 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 29-12-2014 và Điều 26 của Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20-5-2011 thì Chi nhánh S.5 là đơn vị lập hồ sơ thiết kế khai thác và được cơ quan có thẩm quyền cho phép khai thác; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ thiết kế khai thác , thuyết minh thiết kế khai thác , bảng dự kiến sản phẩm khai thác và những văn bản liên quan do mình xây dựng , đăng ký, báo cáo, hoặc đề nghị.

Đối với Ban quản lý rừng rừng phòng hộ là đơn vị kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác không để xảy ra những vi phạm trong khu vực đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép, đây là trường hợp tận thu, tận dụng toàn bộ cây gỗ để giải phóng mặt bằng (Điều 22); khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình, hoặc sử dụng vào mục đích khác, do đó trách nhiệm của Ban quản lý rừng phòng hộ chủ yếu là kiểm tra việc vệ sinh rừng và phòng chống cháy trong và sau khi khai thác và thực hiện đúng trách nhiệm của mình.

Việc Chi nhánh S.5 san ủi gây thiệt hại đến rừng là hành vi phá rừng trái pháp luật. Theo biên bản làm việc ngày 22-01-2015 giữa Hạt kiểm lâm C - B, Ban quản lý rừng phòng hộ, Ủy ban nhân dân phường K, Chi nhánh S.5 và có ông M tham gia thể hiện "*Đường san ủi có chiều dài 238m x rộng 4,65m, tổng diện tích san ủi 1.106,7m^2, thuộc lô 11 và 12 khoảnh I tiểu khu K là rừng trồng năm 1995 (vốn ngân sách) gồm các loại cây keo lá tràm, bằng lăng, muồng đen, phượng và cây rừng tự nhiên tái sinh*".

Ngày 22-01-2015, Hạt kiểm lâm C - B lập Biên bản vi phạm hành chính số 0056/BB-VPHC đối với Chi nhánh S.5 về hành vi sử dụng cơ giới san ủi đường tại lô 11 và 12, khoảnh I, thuộc rừng phòng hộ phường K (chưa được cấp phép). Đoạn đường dài 721m rộng trung bình 4,1m diện tích 2.956,1m2, cây rừng bị thiệt hại là cây rừng trồng năm 1995 và rừng tái sinh.

Ngày 13-02-2015, Chi cục kiểm lâm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPVPHC đối với chi nhánh S.5 về hành vi phá rừng theo điểm c khoản 5 Điều 20 của Nghị định số 57/2013/NĐ-CP ngày 11-11-2013 của Chính phủ, xử phạt số tiền 60.000.000 đồng, hình phạt bổ sung: Buộc thanh toán

chi phí trồng lại rừng, chăm sóc bảo vệ rừng áp dụng ở địa phương tại thời điểm vi phạm hành chính trên diện tích 2.956,1m^2 số tiền 9.799.635 đồng.

Như vậy, qua nội dung thể hiện tại các biên bản xác minh, xử phạt vi phạm hành chính thì Chi nhánh S.5 đã vi phạm với hành vi phá rừng để làm đường vận chuyển vật liệu xây dựng đường điện 220kv trong lâm phận rừng phòng hộ. Ngày 03/4/2015, Ban quản lý rừng phòng hộ đã có 02 công văn gồm Công văn số 147/BQL ngày 03-4-2015 và Công văn số 817/SNN-TTr ngày 11-9-2018 đề nghị Ban quản lý dự án các công trình điện M chi trả bồi thường thiệt hại cây rừng đối với diện tích do Chi nhánh S.5 mở đường tạm gây ra đến nay chưa thực hiện.

2. Đối với đơn giá bồi thường, giá trị cây rừng mà nguyên đơn yêu cầu bồi thường là không có cơ sở: Quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp được quy định tại Điều 15 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12-11-2001 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Số cây bị thiệt hại mà nguyên đơn yêu cầu thuộc đất rừng trồng năm 1995 bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, ông M được Ban quản lý rừng phòng hộ giao khoán trồng cây trồng chính là cây Muồng và cây phụ trợ là cây Tràm bông vàng. Các loại cây còn lại ông M yêu cầu bồi thường là cây rừng tự nhiên thuộc quyền quản lý, sử dụng của Nhà nước do đó ông M chỉ được hưởng giá trị cây trồng chính là cây Muồng và cây phụ trợ là cây Tràm bông vàng bị thiệt hại theo tỷ lệ được pháp luật quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ban quản lý rừng phòng hộ đồng ý thanh toán cho ông M đối với cây Muồng và cây Tràm bị thiệt hại theo quy định trên với tỉ lệ như sau: Muồng đen, 5 cây giá 594.000 đồng, ông M được hưởng 20% là 100.980 đồng. Cây tràm bông vàng 3 cây đường kính 15cm, giá 72.600 đồng + cây tràm bông vàng 15 cây đường kính 14cm, giá 341.250 đồng = 856.732 đồng x 20% x 85% = 82.770 đồng. Tổng cộng Ban quản lý rừng phòng hộ đồng ý thanh toán cho ông M số tiền 183.750 đồng.

Về yêu cầu khởi kiện độc lập đối với Ban quản lý dự án các công trình điện M: Ban quản lý dự án các công trình điện M là chủ đầu tư xây dựng công trình đường dây điện 220KV P - M và được Sở Nông nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 150/QĐ-SNN-LN ngày 16-4-2015, cấp phép được tận dụng gỗ trên diện tích mở đường tạm thi công công trình. Việc khai thác tận dụng cây rừng do Chi nhánh S.5 chỉ thực hiện khai thác theo nội dung ủy quyền tại văn bản số 1745/UQKMT ngày 21-4-2015, tại mục 2 nội dung ủy quyền Ban quản lý dự án các công trình điện M chỉ ủy quyền cho Chi nhánh S.5 phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện khai thác, tận dụng và không thực hiện nội dung khác. Do đó, Ban quản lý Dự án các công trình điện M có trách nhiệm bồi thường đối với toàn bộ cây rừng bị thiệt hại trong việc mở đường tạm trên đất rừng để vận chuyển vật tư thi công đường dây điện 220KV P - M. Ngày 03-8-2022, Ban quản lý rừng phòng hộ đã có đơn yêu cầu định giá tài sản gửi Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa tiến hành định giá và tổ chức định giá tài sản theo giá quy định tại Quyết định số: 66/2014/QĐ.UBND ngày 31-12-2014 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để xác định giá bồi thường, với số tiền là: 25.403.400 đồng, cụ thể như sau:

Địa chỉ			Diện tích (m2)	Loài cây	Đường kính (cm)	Chiều cao Hvn (m)	Giá(đồng) / Cây	Số lượng (cây)	Giá tổng (đồng)
Lô	Khoảnh	Xã/phường							
8, 9	I	T	1.418	Muồng đen	10	6	101.400	11	1.115.400
				Xà cừ	9	5	46.500	6	279.000
				Anh đào	9	8	15.500	49	759.500
				Gõ đỏ	11	7	110.400	8	883.200
				Cây tự nhiên	15	10	24.200	114	2.758.800
7, 8, 10, 11, 12, 13, 16	II	L	2.607	Keo lá tràm	15	13.5	24.200	54	1.306.800
				Muồng đen	15	11	145.200	6	871.200
				Lim xẹt	8	7	70.000	8	560.000
				Bằng lăng	12	7.5	79.200	6	475.200
				Cây tự nhiên	11	8	18.400	43	791.200
21, 24	I	K	1.333,7	Keo lá tràm	18	12	36.300	17	671.100
				Muồng đen	15	12	145.200	8	1.161.600
				Giáng hương	18	12	217.800	10	2.178.000
				Bằng lăng	10	10	67.600	9	608.400
				Cây tự nhiên	10	10	16.900	40	676.000
8, 11, 12, 13, 14, 18	I	K	2.859,5	Keo lá tràm	15	10	24.200	55	1.331.000
				Muồng đen	12	7	118.800	21	2.494.800
				Bằng lăng	10	7.5	67.600	34	2.298.400
				Cẩm lai	8	7	84.000	7	588.000

				Giáng hương	12	8	118.800	17	2.019.600
				Phượng Vỹ	14	10	22.750	10	227.500
				Cây tự nhiên	10	8	16.900	83	1.402.700
Tổng 25.403.400									

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày:

Bà T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải bồi thường số tiền 358.916.875 đồng và không có ý kiến gì thêm.

Theo Công văn số 7567/CPMB-PĐB ngày 19-8-2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý dự án các công trình điện M trình bày:

Ban Quản lý dự án các công trình điện M đại diện Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia đầu tư xây dựng dự án đường dây 220KV P - M, đi qua địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Dự án được khởi công ngày 29-12-2013 và hoàn thành đóng điện vào ngày 10-12-2016.

Đơn vị tư vấn thiết kế là Công ty cổ phần tư vấn xây lắp điện W. Đơn vị thi công là Tổng công ty cổ phần xây dựng công nghiệp MV, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây lắp điện W và Công ty cổ phần S. Đoạn tuyến trên địa bàn thành phố B do Công ty Cổ phần S đảm nhận thi công.

Về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng: Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP và Nghị định 43/2014/NĐ-CP cùng ngày 15-5-2014 của Chính phủ, dự án tại địa phương nào thì địa phương đó thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, Ban quản lý dự án các công trình điện M tham gia phối hợp và có nghĩa vụ thực hiện chi trả tiền cho các chủ tài sản theo đúng quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố. Ban quản lý dự án các công trình điện M không phải là đơn vị cấp giấy phép mở cửa rừng và cũng không phải là đơn vị mở đường tạm trên đất rừng để vận chuyển vật tư, thiết bị thi công dự án như ý kiến của Ban quản rừng phòng hộ. Ý kiến của Ban quản rừng phòng hộ yêu cầu phải bồi thường toàn bộ cây rừng bị thiệt hại với tổng số tiền là 25.403.400 đồng do việc mở đường tạm trên đất rừng để vận chuyển vật tư, thiết bị thi công dự án đường dây 220KV P - M là không có cơ sở.

Ban Quản lý điện M không có ý kiến về kết quả định giá vào ngày 17-6-2022 và ngày 17-8-2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần S trình bày:

Chi nhánh Công ty cổ phần S.5 là đơn vị trực thuộc Công ty S, được giao thi công công trình đường điện 220KV P - M, bắt đầu thi công từ ngày 28-12-2013. Khi thi công công trình, Công ty có mở đường tạm đi qua lô 11 và 12 và 14 khoảnh 1, tiểu khu phường L để đưa vật liệu xây dựng và các thiết bị cần thiết lên

núi khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Vì vậy, Công ty đã bị xử lý vi phạm hành chính và đã nộp phạt theo Quyết định xử phạt hành chính số 01 ngày 15-02-2015 của Chi Cục kiểm lâm tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đối với việc bồi thường do thi công công trình đường điện 220KV tại lô số 11, 12 và 14 diện tích 2.956,1m^2 trong đó có 1.106,7m^2 đất rừng của hộ ông M nhận giao khoán, Công ty S chỉ làm việc với Ban quản lý rừng phòng hộ, còn việc Ban Quản lý rừng phòng hộ giao diện tích cho các hộ dân nhận khoán trồng rừng cụ thể như thế nào công ty không biết. Công ty S đã nộp phạt và đóng tiền chi phí trồng lại rừng nên Công ty xác định không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông M.

Công ty cổ phần S không có ý kiến về kết quả định giá vào ngày 17-6-2022 và ngày 17-8-2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây lắp điện W trình bày:

Công ty TNHH MTV Xây lắp điện W đã ký hợp đồng xây lắp số 115/2013/HĐXL-AMT-KH ngày 28-12-2013 với Ban quản lý dự án các công trình điện M về việc thi công gói thầu số 6-lô 6.2 thuộc dự án đường dây điện 220KV P - M và mở rộng các ngăn lộ 220KV với tư cách là một thành viên liên doanh Công ty cổ phần S và Công ty Xây lắp điện W (Công ty cổ phần S là thành viên đứng đầu liên doanh). Trong đó, Công ty Xây lắp điện W thi công các vị trí móng cột từ vị trí 190 đến vị trí 262, kéo dây từ 189 đến 257. Công ty Cổ phần S thi công các vị trí móng cột từ vị trí 263 đến ĐC và kéo dây từ 257 đến ĐC. Trong thỏa thuận liên doanh giữa 02 nhà thầu ngày 18-11-2013 tại mục 5, Điều 3 có ghi: "*Mỗi thành viên trong liên doanh phải tự chịu trách nhiệm riêng trong phạm vi hợp đồng của mình về mọi vấn đề liên quan đến khối lượng, kỹ thuật, tiến độ xây dựng công trình và các quy định khác của nhà nước trước chủ đầu tư*". Việc Công ty S mở đường tạm thi công thuộc phạm vi khối lượng công việc của Công ty S, vì vậy Công ty này phải tự chịu trách nhiệm việc này. Mặt khác, theo thỏa thuận hợp đồng đã chỉnh lý giữa 2 nhà thầu ngày 24-12-2013 tại mục 3, Điều 1 có ghi "*Nhà thầu nhất trí ủy quyền cho Công ty cổ phần S làm đại diện cho liên doanh chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về việc thực hiện hợp đồng nêu trên*". Do vậy Công ty Xây lắp điện W đề nghị Tòa án xem xét miễn trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của Công ty Xây lắp điện W.

Công ty Xây lắp điện W không liên quan trong việc mở đường tạm để thi công các móng 301, 302, 304, 305, 306, 307, 308 và 309.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ban quản lý rừng phòng hộ P về việc *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản"* đối với Ban quản lý dự án các công trình điện M.

Buộc Ban quản lý dự án các công trình điện M bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ P số tiền 25.403.400 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M về việc *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản"* đối với Ban quản lý rừng P.

Buộc Ban quản lý rừng P thanh toán cho ông Phạm Văn M số tiền 183.750 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ trả lãi do chậm thi hành án, chi phí định giá, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31-10-2022, nguyên đơn ông Phạm Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng thủ tục.

Ngày 04-11-2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng thủ tục.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Phạm Văn M (do ông Nguyễn Xuân H và bà Phạm Thị T đại diện) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn Ban quản lý rừng phòng hộ P giữ nguyên yêu cầu độc lập và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không bổ sung thêm chứng cứ nào khác.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị T nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị T nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ban quản lý dự án các công trình điện M, Công ty cổ phần S vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Công ty

cổ phần Xây lắp điện W vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị T*:

Ông M, bà T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

- Theo bản án sơ thẩm thì vụ án này được đưa ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-DS ngày 03-8-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-DS ngày 19-8-2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số số 08/2022/QĐST-DS ngày 06-10-2022. Tuy nhiên, ông M và bà T không được tống đạt các quyết định tố tụng trên. Điều này ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông M, bà T.

- Từ ngày 23-8-2022 đến ngày 07-9-2022, ông M đã 03 lần nộp đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu định giá lại tài sản bị thiệt hại theo giá thị trường nhưng cấp sơ thẩm không chấp nhận, vẫn lấy mức giá Hội đồng định giá đã định giá theo bảng giá của Nhà nước để xét xử là không đúng hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28-3-2014 (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 02). Việc Hội đồng định giá trả lời không xác định được giá thị trường tài sản bị thiệt hại do tài sản hiện nay không còn là trái quy định của Thông tư liên tịch 02.

- Ngày 12-4-2022, nguyên đơn và bà T đều có yêu cầu và cam kết hướng dẫn Tòa án đi xem xét, thẩm định tại chỗ làm cơ sở cho việc định giá tài sản theo giá thị trường. Do bị đơn không đồng ý tham gia việc xem xét, thẩm định tại chỗ nên Thẩm phán cấp sơ thẩm không thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ là vi phạm thủ tục tố tụng.

Ngoài ra, nguyên đơn ông M cũng cho rằng Ban quản lý rừng phòng hộ P yêu cầu độc lập đối với Ban quản lý dự án các công trình điện M để yêu cầu bồi thường thiệt hại về các cây rừng do việc mở đường tạm gây ra, trong khi người gây thiệt hại là Công ty cổ phần S. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này là không đúng quy định pháp luật.

Xét các căn cứ nêu trên thì thấy:

[2.1] Bản án sơ thẩm nêu rõ vụ án này được đưa ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-DS ngày 03-8-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-DS ngày 19-8-2022 (Bl 826). Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không có các quyết định nêu trên. Các đương sự trong đó có ông M và bà T đều không được giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nêu trên mà được giao nhận các quyết định có số và ngày ban hành khác (Bl 734-742). Đây là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm.

[2.2] *Về việc định giá tài sản và xem xét, thẩm định tại chỗ*:

Ngày 17-6-2022, Hội đồng định giá do Tòa án cấp sơ thẩm thành lập đã tiến hành định giá tài sản bị thiệt hại theo yêu cầu của bị đơn. Do nguyên đơn

không đồng ý với kết quả định giá này nên đã yêu cầu Tòa án trưng cầu định giá lại theo giá thị trường.

Ngày 17-8-2022, Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định thành lập Hội đồng định giá để định giá lại tài sản nhưng các thành viên Hội đồng định giá vẫn giữ nguyên như lần định giá ngày 17-6-2022. Kết quả định giá lần 2 không thay đổi so với lần 1. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành định giá lại tài sản đã vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư liên tịch số 02 *"Việc định giá lại tài sản do Hội đồng định giá khác thực hiện"*. Mặt khác, Hội đồng định giá kết luận không xác định được giá tài sản theo giá thị trường vì tài sản bị thiệt hại hiện không còn là không có căn cứ, vì theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư liên tịch số 02 thì "*Trường hợp tài sản định giá không còn thì việc xác định giá căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc hoặc tham khảo giá của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật để xác định. Tài sản cùng loại, tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật được xác định theo quy định của pháp luật"*. Như vậy, Hội đồng định giá phải xác định giá thị trường của tài sản bị thiệt hại theo đúng quy định trên.

Để có căn cứ xác định giá thị trường thì Tòa án cần tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tại địa điểm xảy ra thiệt hại để ghi nhận hiện trạng các cây trồng bị chặt phá hiện còn hay không hoặc có các cây trồng cùng loại hiện có trên phần đất ông M nhận khoán hay không? Vì theo đơn yêu cầu và lời khai của ông M, bà T thì các cây trồng bị chặt phá hiện vẫn còn trên đất. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13-5-2022 (Bl 622), cấp sơ thẩm chỉ ghi nhận ý kiến của các đương sự có mặt mà không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, không ghi nhận lý do vì sao không xem xét, thẩm định tại chỗ, trong khi người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định các cây trồng bị thiệt hại vẫn còn tại hiện trường và cam kết dẫn đoàn xem xét, thẩm định tại chỗ đến hiện trường. Như vậy, cấp sơ thẩm chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ như trên của cấp sơ thẩm không đúng quy định pháp luật và ảnh hưởng đến việc xác định giá trị tài sản bị thiệt hại, là vấn đề có ý nghĩa quyết định trong việc giải quyết vụ án này.

[2.3] *Về việc giải quyết yêu cầu độc lập của bị đơn*:

Theo đơn yêu cầu độc lập của bị đơn thì bị đơn yêu cầu Ban quản lý dự án các công trình điện M bồi thường thiệt hại cho chủ rừng là bị đơn vì có hành vi chặt phá cây rừng trong quá trình mở đường tạm để vận chuyển vật tư, thiết bị thi công đường dây điện 220KV P - M. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bên liên quan trong đó có Công ty cổ phần S và Biên bản vi phạm hành chính, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các chứng cứ về việc nộp phạt thì Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Hành vi chặt phá cây rừng tại khu vực hộ ông Phạm Văn M nhận khoán rừng vào ngày 22-01-2015 do Công ty cổ phần S, cụ thể là chi nhánh S.5 thực hiện và đã bị Hạt kiểm lâm C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lập biên bản vi phạm và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Bl 81, 82, 84, 85).

Tại thời điểm thực hiện hành vi chặt phá cây rừng trên (ngày 22-01-2015), Ban quản lý dự án các công trình điện M chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cho phép mở con đường tạm và tận thu cây rừng tại vị trí mở đường tạm, nên Ban quản lý dự án các công trình điện M chưa ủy quyền cho Công ty cổ phần S thực hiện công việc trên. Đến ngày 13-3-2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu mới có văn bản cho phép Ban quản lý dự án các công trình điện M thực hiện việc mở đường tạm và tận thu cây rừng. Ngày 21-4-2015, Ban quản lý dự án các công trình điện M mới có văn bản ủy quyền cho Công ty cổ phần S thực hiện các công việc trên. Như vậy, tại thời điểm thực hiện việc chặt phá cây rừng, Công ty cổ phần S chưa được cấp phép và ủy quyền thực hiện. Do vậy, Công ty này là người trực tiếp gây thiệt hại và phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chủ rừng và hộ nhận khoán. Còn quan hệ ủy quyền giữa Ban quản lý dự án các công trình điện M và Công ty cổ phần S phát sinh sau khi có hành vi gây thiệt hại nên giữa các bên tự thương lượng giải quyết hoặc có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định pháp luật.

Bị đơn yêu cầu độc lập đối với Ban quản lý dự án các công trình điện M và Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập này là không phù hợp quy định của pháp luật.

[2.4] Ngoài ra, cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ pháp nhân của Ban quản lý dự án các công trình điện M và Công ty cổ phần S để làm căn cứ xác định tên và địa chỉ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật và tính hợp pháp của các văn bản ủy quyền cho người đại diện là chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ.

[2.5] Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng*: Sẽ được xem xét, giải quyết khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

4. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T được chấp nhận nên ông M, bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị T.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị T không phải chịu.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị T 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 004963 ngày 21-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (06-7-2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND TP. Bà Rịa, tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS TP. Bà Rịa, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Cao Minh Vỹ